

TOYS (Những loại đồ chơi)

- **toy**: đồ chơi

- **monster**: con quái vật



- **car**: xe hơi



- **bike**: xe đạp



- **helicopter**: máy bay trực thăng



- **teddy bear**: gấu bông



- **puppet**: con rối



- **ball**: quả bóng



- **train**: xe lửa



- **robot**: rô bốt



- **plane**: máy bay



- **kite:** con diều



- **boat:** thuyền nhỏ



- **doll:** búp bê



- **truck:** xe tải



- **lorry:** xe tải

- **board game:** trò chơi cờ trên bàn



- **skateboard:** ván trượt



- **puzzle:** trò chơi xếp hình



- **balloon:** bong bóng



- **alien:** người ngoài hành tinh



- **dinosaur:** khủng long



What is your favorite toy?

➔ My favorite toy is a/ an.....